**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14A: IÊNG – UÔNG – ƯƠNG (T1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Đọc đúng vần iêng, uông, ương; đọc trơn các tiếng, từ ngữ và đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh, ý chính của bài thơ kể về quả và trả lời câu hỏi.

- Viết đúng: iêng, uông, ương, riêng.

- Nói được tên những đồ ăn, đồ uống, …

- Học sinh biết ăn uống hợp vệ sinh đủ chất để đảm bảo sức khỏe.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tivi, bộ ĐD TV;

- Vở bài tập Tiếng việt 1, tập 1.

- Tập viết 1, tập 1

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  **\* HĐ1**: **Nghe- nói**  Cả lớp  - HS quan sát tranh trên bảng.  + Trong tranh vẽ gì?  + Tranh vẽ những đồ uống nào?  - Nhóm  + Hỏi đáp về đồ ăn, đồ uống.  - GV nhận xét  **-** Trong lời hỏi - đáp các em có nhắc đến thịt nướng, rau muống và các món tráng miệng như sầu riêng. Các từ ngữ sầu riêng, rau muống, thịt nướng chứa tiếng có vần hôm nay chúng ta sẽ học  **2. HĐ Khám phá**  **\* HĐ2**: **Đọc**  **a. Đọc tiếng, từ ngữ**  ***\* GV viết tiếng “riêng”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ nhất: riêng  ? Em hãy nêu cấu tạo tiếng *riêng*  - Ghi vào mô hình.  **sầu riêng**   |  |  | | --- | --- | | **r** | **iêng** |   **riêng**  - GV chỉ vào tiếng *riêng* ở dưới mô hình đọc: *rờ - iêng – riêng*  - Đọc trơn *riêng.*  - GV viết lên phía trên mô hình từ *sầu riêng* rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  ***\* GV viết tiếng “muống”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ hai: *muống*  + Em hãy nêu cấu tạo tiếng *muống?*  - Ghi vào mô hình  **rau muống**  /   |  |  | | --- | --- | | **m** | **uông** |   muống  - GV phát âm mẫu: *uông*  - GV chỉ vào tiếng *muống* ở dưới mô hình đọc: mờ - uông - muông - sắc - muống *-> muống*  - Đọc trơn *muống*  - GV chiếu tranh: Tranh vẽ gì?  - GV viết lên phía trên mô hình dòng *muống* rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  ***\* GV viết tiếng “nướng”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ ba: nướng  + Em hãy nêu cấu tạo tiếng *nướng?*  - Ghi vào mô hình  **thịt nướng**  /   |  |  | | --- | --- | | **n** | **ương** |   **nướng**  - GV phát âm mẫu: *ương*  - GV chỉ vào tiếng *tranh* ở dưới mô hình đọc: *nờ - ương - nương - sắc - nướng*  *-> nướng*  - Đọc trơn *nướng*  - GV viết lên phía trên mô hình từ *thịt nướng* rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  - Chúng ta vừa học thêm những vần mới nào?  - GV ghi đề bài: Bài 14A iêng, uông, ương.  - So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa 3 vần?  - GV mời HS đọc lại  **b. Đọc tiếng, từ chứa vần mới**  - GV chiếu các từ: Yêu cầu HS đọc CN, N2 và thực hiện hỏi đáp tìm tiếng chứa vần mới: tiếng chim, ruộng lúa, nương rẫy, con đường  - GV thi tìm thêm tiếng chứa vần mới  - GV nhận xét | - HS quan sát.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Trong tranh vẽ: rau muống, thịt nướng, sầu riêng.  - Tranh vẽ những đồ uống: nước lọc, nước cam, nước dừa.  + Cử vài nhóm đại diện hỏi đáp trước lớp.  - HS lắng nghe  - HS đọc trơn tiếng *riêng* nối tiếp  - Tiếng *riêng* gồm có âm đầu *r*, vần *iêng,* thanh *ngang*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *iêng*: *rờ - iêng - riêng*  - HS đọc trơn tiếng *riêng*: cá nhân, lớp.  - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh:  - HS đọc trơn iêng – riêng – sầu riêng  - Đọc nối tiếp cá nhân *muống*  + HS nêu: Tiếng *muống* gồm có âm *m*, vần *uông*, thanh *sắc.*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *mờ - uông - muông - sắc- muống*  - HS đọc trơn *muống* cá nhân, lớp.  - HS quan sát trả lời: tranh vẽ mớ rau muống  - HS đọc cá nhân, đồng thanh:  uông – muống – rau muống  - Đọc nối tiếp cá nhân *nướng*  + HS nêu: Tiếng *nướng* gồm có âm *n*, vần *ương*, thanh *sắc.*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *nờ- ương- nương - sắc - nướng - > nướng*  - HS đọc trơn *nướng*: cá nhân, lớp.  - HS đọc cá nhân, đồng thanh: ương-nướng-thịt nướng.  - HS trả lời  - HS nhắc lại  - HS so sánh  - HS đọc CN  - HS thực hiện  - HS thi  - HS lắng nghe |

**--------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14A: IÊNG – UÔNG – ƯƠNG (T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Đọc đúng vần iêng, uông, ương; đọc trơn các tiếng, từ ngữ và đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh, ý chính của bài thơ kể về quả và trả lời câu hỏi.

- Viết đúng: iêng, uông, ương, riêng.

- Nói được tên những đồ ăn, đồ uống, …

- Học sinh biết ăn uống hợp vệ sinh đủ chất để đảm bảo sức khỏe.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tivi, bộ ĐD TV;

- Vở bài tập Tiếng việt 1, tập 1.

- Tập viết 1, tập 1

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 2**  **3. HĐ Luyện tập**  **c, Đọc hiểu**  - GV chiếu tranh và chữ phóng to lên bảng.  - Y/c HS đọc từ ngữ phù hợp với hình.  + Các em thấy gì ở mỗi bức hình?  + GV nêu yêu cầu chọn câu phù hợp với hình.  \* Trò chơi “Tôi đang làm gì?”.  - HD chơi trò chơi  - GV phát lệnh  - GV nhận xét, kết luận.  **\* HĐ3**: **Viết**  - GV viết mẫu: *iêng, uông, ương, riêng*  (vừa viết vừa nêu quy trình viết và vị trí đặt dấu thanh…)  - GV QS và sửa lỗi cho HS.  **4. HĐ Vận dụng.**  **\* HĐ4: Đọc**  **Đọc hiểu đoạn kể về quả.**  - YC HS QS tranh HĐ4 SHS và hỏi  Trong tranh có những quả gì?  - GV đọc bài thơ. (Lưu ý ngắt nghỉ hơi)  - GV đọc cho HS đọc theo.  Nhóm:  - Cho HS đọc trơn bài thơ và trao đổi: Nói về mùi vị của một thứ quả.  Cả lớp:  + Trong bài thơ này: Tiếng nào chứa vần vừa học?  GV nhận xét, KL: *riêng*  - GV cho HS đọc  - GV củng cố nội dung bài  - Nhận xét giờ học  - Dặn dò: Đọc bài và làm bài trong VBT. | - HS quan sát  - Đọc từ ngữ phù hợp  - HS trả lời:  + Chị đang soi gương.  + Đàn chim bay liệng.  + Mẹ chèo xuồng.  - Thi chọn câu phù hợp với hình theo nhóm. Thảo luận chọn câu phù hợp với mỗi hình.  - Đại diện nhóm nêu KQ và đính lên bảng (Mỗi nhóm 1 câu)  - HS đọc trơn câu đã đính (cá nhân-nhóm - CL)  - 6 HS (3 HS cầm thẻ hình; 3HS cầm thẻ chữ.)  - 3 HS cầm thẻ chữ chạy nhanh đến cạnh bạn HS cầm thẻ tranh phù hợp.  (Ai nhanh sẽ là người thắng cuộc)  - HS nhận xét  - HS quan sát.  - HS viết bảng con.  - HS lắng nghe  - HS QS và trả lời câu hỏi.  - HS nghe, HS chú ý ngắt nghỉ dấu câu.  - HS đọc trơn bài thơ theo GV.  - Cặp đôi: Đọc và trao đổi.  - HS trả lời  - HS nhận xét.  - HS đọc CN toàn bài  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện |

- **TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14B: INH – ÊNH – ANH (2T)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc đúng vần inh, ênh, anh; đọc trơn các tiếng, từ ngữ vã đoạn. Hiểu nghĩa từ ngữ và nội dung chính của đoạn đọc.

- Viết đúng: inh, ênh, anh, kính.

- Biết nói về các đồ dùng trong nhà.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tivi; Bộ ĐD TV, Tivi

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  **\* HĐ1**: **Nghe- nói**  - HS quan sát tranh trên màn hình  + Quan sát trong nhà có đồ dùng gì?  + Quan sát trên bức tường thấy gì?    - GV nhận xét  - Ngoài bàn ghế ra trên tường còn có cửa kính, bức tranh lụa vẽ cảnh dòng kênh chảy giữa cánh đồng lúa chín.  - Trong các từ ngữ cửa kính, dòng kênh, tranh lụa các từ ngữ này chứa các tiếng có vần mới mà các em sẽ học hôm nay.  **2. HĐ Khám phá**  **\* HĐ2**: **Đọc**  **a. Đọc tiếng, từ ngữ**  ***\* GV viết tiếng “kính”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ nhất: kính  ? Em hãy nêu cấu tạo tiếng *kính*  - Ghi vào mô hình.  **cửa kính**  /   |  |  | | --- | --- | | **k** | **inh** |   **kính**  - GV chỉ vào tiếng *kính* ở dưới mô hình đọc: *ka-inh-kinh-sắc-kinh->kính*  - Đọc trơn *kính*  - GV viết lên phía trên mô hình từ *cửa kính*  rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  ***\* GV viết tiếng “kênh”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ hai: *kênh*  ? Em hãy nêu cấu tạo tiếng *kênh*  - Ghi vào mô hình  **dòng kênh**     |  |  | | --- | --- | | **k** | **ênh** |   **kênh**  - GV phát âm mẫu: *ênh*  - GV chỉ vào tiếng *kênh* ở dưới mô hình đọc: *ka-ênh- kênh ->kênh*  - Đọc trơn *kênh*  *-GV treo tranh: Tranh vẽ gì?*  - GV viết lên phía trên mô hình dòng *kênh* rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  ***\* GV viết tiếng “tranh”***  - Đọc trơn tiếng khóa thứ ba: tr*anh*  ? Em hãy nêu cấu tạo tiếng *tranh*  - Ghi vào mô hình  **tranh lụa**     |  |  | | --- | --- | | **tr** | **anh** |   **tranh**  - GV phát âm mẫu: *anh*  - GV chỉ vào tiếng *tranh* ở dưới mô hình đọc: *trờ -anh-tranh->tranh*  - Đọc trơn *tranh*  - GV viết lên phía trên mô hình từ *tranh lụa* rồi đọc lại toàn bộ phần mô hình.  - Chúng ta vừa học những vần nào  - GV ghi đề bài lên bảng: Bài 14B inh, ênh, anh.  - So sánh sự giống và khác nhau giữa vần inh, ênh, anh?  - GV nhận xét  **b. Đọc tiếng, từ chứa vần mới**  - GV chiếu các từ: Yêu cầu HS đọc CN, N2 và thực hiện hỏi đáp tìm tiếng chứa vần mới: *nhà tranh, ngôi đình, bệnh viện, tường thành*.  - GV thi tìm thêm tiếng chứa vần mới  - GV nhận xét  **\* Giải lao**  **3. HĐ Luyện tập**  **c, Đọc hiểu**  - GV chiếu hình và chữ phóng to lên TV  - Y/c HS đọc từ ngữ phù hợp với hình.  H: Các em thấy gì ở mỗi bức hình?  - GV nêu yêu cầu chọn câu phù hợp với hình  \* Trò chơi “Tôi đang làm gì?”.  - HD chơi trò chơi  - GV phát lệnh  -GV nhận xét, kết luận.  **\* HĐ3**: **Viết**  - GV viết mẫu: *inh, ênh, anh, kính*  (vừa viết vừa nêu quy trình viết và vị trí đặt dấu thanh…)  - GV QS và sửa lỗi cho HS.  **4. HĐ Vận dụng.**  **\* HĐ4: Đọc**  **Đọc và trả lời câu đố.**  - YC HS QS tranh HĐ4 SHS và hỏi  H: Các em thấy gì ở các tranh?  H: Cái gì đang tựa vào tường?  H: Cái gì đang úp trong giá?  (Từ những gợi ý trong tranh, các nhóm hãy trao đổi để giải các câu đố mà chúng ta sẽ đọc sau đây.)  - GV đọc các câu đố. (Lưu ý ngắt nghỉ hơi ở dấu phẩy trong câu đố)  - GV nhận xét, KL:  *a, cái thang.*  *b,* *chồng bát* (úp trong giá để bát).  Trong các câu đố này có tiếng nào chứa vần mới học?  GV nhận xét, KL:  *a, lênh, khênh, kềnh*  *b, cánh, vành, vạnh*  - GV nhận xét  - GV củng cố nội dung bài  - Nhận xét giờ học  - Dặn dò HS về nhà đọc lại bài và làm bài trong VBT. | - Lớp hát bài:  - HS quan sát.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Trong tranh có: Bàn, ghế.  - Trên bức tường còn: Cửa kính, dòng kênh.  - HS lắng nghe  - HS đọc trơn tiếng kính nối tiếp  - Tiếng *kính* gồm có âm đầu *k*, vần *inh,* thanh *sắc.*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *inh* :*ka- inh- kinh- sắc- kính*  - HS đọc trơn *kính*: cá nhân, lớp.  - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh:  -HS đọc trơn inh-kính- cửa kính  - Đọc nối tiếp cá nhân *kênh*.  + HS nêu: Tiếng *kênh* gồm có âm *ka*, vần ênh, thanh *ngang.*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *ka-ênh –kênh ->**kênh*  - HS đọc trơn *kênh*: cá nhân, lớp.  -HS quan sát trả lời : tranh vẽ dòng kênh  - HS đọc cá nhân, đồng thanh:  ênh- kênh- dòng kênh  - Đọc nối tiếp cá nhân *tranh*.  + HS nêu: Tiếng *tranh* gồm có âm *tr*, vần *anh*, thanh *ngang.*  - HS phát âm nối tiếp cá nhân, tổ.  - HS đọc nối tiếp cá nhân *trờ- anh- tranh- >tranh*  - HS đọc trơn *tranh*: cá nhân, lớp.  - HS đọc cá nhân, đồng thanh: *anh-tranh-tranh lụa.*  - HS trả lời  - HS so sánh  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện thi  - HS lắng nghe  \* HS hát  - Hs quan sát  - Đọc từ ngữ phù hợp  - HS trả lời:  +Cô bé chơi xếp hình.  +Trẻ em chơi bập bênh.  +Thầy giáo đánh trống.  - Thi chọn câu phù hợp với hình theo nhóm. Thảo luận chọn câu phù hợp với mỗi hình.  - Đại diện nhóm nêu KQ và đính lên bảng (Mỗi nhóm 1 câu)  - HS đọc trơn câu đã đính (cá nhân-nhóm –CL)  - 6 HS (3 HS cầm thẻ hình; 3HS cầm thẻ chữ.)  - 3 HS cầm thẻ chữ chạy nhanh đến cạnh bạn HS cầm thẻ tranh phù hợp.  (Ai nhanh sẽ là người thắng cuộc)  - HS nhận xét  - HS quan sát.  - HS viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS QS và trả lời câu hỏi.  - Lớp đọc 2 câu đố.  - 2 HS đọc (mỗi HS 1 câu)  - Cặp đôi: Đọc và trao đổi để giải đố  - Một số cặp đọc và TLCH trước lớp  - HS nhận xét.  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14C: ÔN TẬP (2T)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa vần có âm cuối ng hoặc nh. Đọc câu chuyện: Ai đánh răng cho Cá Sấu?

- Nghe kể câu chuyện Món quà mẹ tặng và trả lời câu hỏi.

- Nói về món quà em được tặng.

- Biết yêu quý món quà em được tặng và có ý thức vệ sinh răng miệng hằng ngày.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tivi; Bảng phụ thể hiện nội dung của HĐ 2A.

- Tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ1

- Vở bài tập Tiếng Việt 1 (tập 1).

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  **HĐ1. Nghe nói**  - Nói nhanh tiếng chứa vần có kết thúc bằng ng hoặc ng.  - GV nêu ND chơi: Cô có 4 thẻ tranh - chữ có tiếng chứa các vần đã học “cái thang, mặt trăng, chong chóng, bánh mỳ”. Cô mời 4 HS lên cầm những thẻ tranh - chữ này. Khi cô chỉ vào thẻ tranh, chữ nào rồi chỉ vào bàn HS nào thì HS bàn ấy lên đọc nhanh tiếng chứa vần của thẻ và nói thêm một tiếng cùng vần với tiếng vừa đọc: VD: Thang, bảng, ... tiếp tục như thế với các thẻ tranh chữ khác.  - GV phát thẻ tranh - chữ.  - GV tổ chức chơi  - GV nhận xét  - GV giới thiệu – ghi đề bài  **2. HĐ luyện tập**  **HĐ2. Đọc**  ***a) Đọc vần, từ ngữ***  - GV chiếu bảng phụ, bảng ôn A, B  - Các dòng ngang ở mỗi bảng ghi những gì?  - GV đọc trơn các vần, tiếng, từ ngữ có trong bảng A, B.  - GV nhận xét  ***b) Đọc câu chuyện Ai đánh răng cho Cá Sấu***  - HS quan sát tranh H.Đ2A.  - Tranh vẽ cảnh gì?  - GV chốt: *Tranh vẽ cảnh Cá Sấu há miệng cho con choi choi đánh răng. Hình ảnh trong tranh này giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*  *-* GV đọc trơn đoạn, GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt nghỉ hơi và đọc theo GV.  - GV nhận xét.  - Trong đoạn có tiếng nào chứa vần có âm cuối *ng* hoặc *nh.*  - GV nhận xét  - Hôm nay các em vừa ôn lại các vần gì?  - Em hãy viết 2 tiếng có chứa vần vừa ôn tập vào bảng con.  - GV nhận xét, đánh giá và HD HS làm VBT.  - Dặn HS về nhà thực hiện tốt HĐTH ở nhà. | - HS nghe.  - HS nhận thẻ và thực hiện.  - HS nhắc lại  - HS quan sát.  - HS ở bảng, dòng ngang thứ nhất ghi các vần có âm cuối ***ng.***  - Dòng ngang thứ hai ghi các từ ngữ có tiếng chứa vần mang âm cuối ***ng.***  - HS ở bảng, dòng ngang thứ nhất ghi các vần có âm cuối ***nh.***  - Dòng ngang thứ hai ghi các từ ngữ có tiếng chứa vần mang âm cuối ***nh.***  - HS đọc theo.  - HS đọc CN, nhóm  - HS đọc trơn bảng ôn  - CN đọc trơn bảng ôn  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS1 đọc phần đầu, HS2 đọc phần còn lại.  - Nhóm: Luyện đọc trơn và trả lời câu hỏi.  - Cả lớp:  + Từng nhóm lớn đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - HS trả lời: ...chẳng, đánh, răng, hằng, miệng.  - HS đọc lại cả đoạn.  - HS trả lời  - HS thực hiện  - HS lắng nghe – thực hiện  - HS thực hiện |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14D: AC – ĂC – ÂC (2T)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- HS đọc đúng các vần *ac, ăc, âc*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học. Đọc trơn đoạn ngắn. Hiểu nghĩa từ ngữ và ý chính của đoạn *Cô giáo cũ.*

- Viết đúng: *ac, ăc, âc, bạc.*

- Nói tên sự vật và hoạt động chứa vần *ac, ăc, âc.*

**II. Đồ dùng dạy học**

- Tivi, bộ ĐD TV.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động:**  **HĐ1: Nghe - nói**  - Chiếu tranh yêu cầu học sinh quan sát tranh, nghe GV nêu yêu cầu: Thực hiện hỏi đáp theo cặp về nội dung bức tranh.  + Tranh vẽ những ai?  + Người bố đeo cho bà cái gì?  + Trên thềm nhà có đồ vật gì?  + Trước sân nhà có giàn quả gì?  - Yêu cầu học sinh thực hành hỏi đáp trước lớp  - GV nhận xét  - GV giới thiệu bài: Như vậy ở hoạt động 1 hỏi – đáp cô thấy các em có nhắc đến *vòng bạc, mắc áo, quả gấc* chứa vần mà hôm nay chúng ta sẽ học.  **2. HĐ khám phá**  **HĐ 2: Đọc**  **a. Đọc, tiếng, từ ngữ**.  + Học vần */ac/*  *-* GV mời HS quan sát cô viết tiếng khóa thứ nhất: bạc  vòng bạc   |  |  | | --- | --- | | b | ac |   .  bạc  - Đọc tiếng *bạc*  - Nêu cấu tạo tiếng *bạc*  - Vần */ac/*có những âm nào?  - Đánh vần mẫu: ac: a – cờ - ác  - Đánh vần tiếng *bạc: bờ - ac – bác –nặng – bạc bạc*  - Giới thiệu, viết bảng từ: *vòng bạc*  - Chúng ta vừa học thêm những vần nào?  - GV ghi đề bài: Bài 14D: ac, ăc, âc  - Yêu cầu học sinh so sánh điểm giống và khác nhau giữa vần *ac, ăc, âc*  - Đọc lại cả ba vần trên bảng.  - GV nhận xét  **\* Nghỉ giữa tiết:**  **b. Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới**  - GV chiếu các từ: Yêu cầu HS đọc CN, N2 và thực hiện hỏi đáp tìm tiếng chứa vần mới: *nhà tranh, ngôi đình, bệnh viện, tường thành*.  - GV thi tìm thêm tiếng, từ chứa vần mới  - GV nhận xét  - GV mời HS đọc lại  \* Nghỉ giữa tiết  **2. HĐ luyện tập**  **c. Đọc hiểu**  - Chiếu tranh yêu cầu học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Các em thấy gì ở mỗi bức hình?  - Yêu cầu HS đọc  - Tổ chức thi chọn câu phù hợp  - GV cho HS đọc lại toàn bộ bài trên bảng.  - Nhận xét, tuyên dương học sinh  **HĐ 3. Viết**  - GV gắn mẫu viết thường *ac, ăc, âc, bạc*hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm về độ cao, độ rộng, các nét cơ bản và cách viết cho HS.  - GV viết chữ mẫu kết hợp hướng dẫn cách viết*ac, ăc, âc, bạc;* cách nối từ ***a*** sang ***a*** trong vần **ac**; **ă** sang ***c*** trong vần ***ac;*** ***â*** sang ***c*** trong vần ***âc***, ***b*** sang ***ạ*** sang ***c***  trong tiếng *bạc*cách đặt dấu thanh ở chữ *bạc****.*** Nhắc học sinh độ cao các chữ a, ă, â, b, c.  - Yêu cầu học sinh viết bảng con.  - GV nhận xét, sửa lỗi trên bảng con của HS.  - Chữa bài viết theo nhận xét của giáo viên.  **\* Nghỉ giữa tiết:**  **4. HĐ vận dụng**  **HĐ 4. Đọc**  **a. Quan sát tranh trong SGK**  - GV chiếu tranh phóng to; Yêu cầu HS quan sát tranh  + Nhìn hàng ghế ở chiếc ô tô trong tranh, em đoán là ô tô gì?  + Trong xe, người phụ nữ quay xuống hàng ghế sau nói chuyện với ai?  - GV chốt: Chiếc xe trong tranh là xe chở khách. Trên xe, người phụ nữ là cô giáo quay xuống nói chuyện với mẹ con cậu HS cũ. Bức tranh giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.  - GV đọc tên đoạn văn: Cô giáo cũ.  H: Bài đọc Cô giáo cũ có bao nhiêu đoạn?  - GV nhận xét  **b. Luyện đọc trơn**  - GV đọc mẫu: Cô giáo cũ  - GV lưu ý giọng đọc: đọc chậm rãi thể hiện tình cảm của anh Bắc đối với cô giáo cũ; nghỉ hơi khi gặp dấu phẩy, ngắt hơi khi gặp dấu chấm.  - GV cho HS đọc  - GV nhận xét, khen ngợi.  **c. Đọc hiểu**  - Y/c HS đọc thầm bài. Thực hành theo cặp đôi, hỏi và trả lời:  + Anh Bắc nhớ những gì về cô giáo cũ?  - Gv nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS đọc lại  - Hôm nay các em học bài gì?  - GV nhận xét giờ học.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau: Bài 14E | - Quan sát tranh. Hỏi đáp theo cặp:  + Tranh vẽ bố, bà.  + Vòng bạc  + Mắc áo  + Quả gấc  - Vài cặp thực hành hỏi đáp về nội dung tranh  - Lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - Đọc nối tiếp cá nhân nhóm đồng thanh.  - âm đầu *b*, vần *ac*, dấu nặng  - Âm *a* và âm *c*  - Nối tiếp đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, ĐT)  - Nối tiếp đánh vần  - Đọc trơn: *bạc*  - Nối tiếp đọc trơn: *vòng bạc*  - Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần và đọc trơn vần, tiếng, từ *ac – bạc – vòng bạc* (đọc trơn).  + Học vần /*ăc/, /âc/,* tiếng khóa *mắc, gấc* tương tự như vần *ac*  - Giống nhau âm /c/.  - Khác nhau: vần /ac/ có âm a, vần /ăc/ có âm ă, vần /âc/ có âm â.  - Lắng nghe và nối tiếp đọc.  - HS hát  - Đọc tiếng, từ ngữ và tìm tiếng chứa vần mới  - HS thi tìm  - HS lắng nghe  - HS đọc CN  \* HS hát  - HS quan sát  - Hình 1: Bé đang mặc áo  - Hình 2: Chị đang lắc vòng  - Hình 3: Cậu bé đứng nhấc chân  - Hình 4: Người đàn ông vác bao gạo  - Đọc các câu dưới mỗi hình  - Thi chọn câu phù hợp với hình và đọc trơn các câu đã đính.  - Đọc lại toàn bộ bài trên bảng.  - HS lắng nghe  **-** HS quan sát, nghe, nhắc lại theo YC của GV.  - HS quan sát.  - HS viết bảng con.  - HS quan sát, tự sửa lỗi trên bảng con.  - HS viết vào bảng con  - HS lắng nghe  - HS hát  - HS quan sát tranh theo cặp.  - HS trả lời theo khả năng quan sát...  - HS trả lời  - Lắng nghe  - HS đọc trơn theo GV  - Cá nhân đọc nối tiếp.  - Đọc theo cặp, nhóm  - Đọc nối tiếp đoạn trước lớp.  - HS đọc thầm. Nhóm đôi hỏi – đáp.  - Một vài học sinh trả lời trước lớp: giọng nói ấm áp và ánh mắt hiền từ  - HS đọc CN  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện |

---------------------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 14E: OC – ÔC (2T)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- HS đọc đúng các vần *oc, ôc*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học.

- Nói tên sự vật và hoạt động chứa vần *oc, ôc.*

- HS đọc đúng các vần *oc, ôc*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học. Đọc trơn đoạn ngắn. Hiểu nghĩa từ ngữ và ý chính của bài thơ Hạt sương

- Viết đúng: *oc, ôc, sóc, dốc.*

- Nói tên sự vật và hoạt động chứa vần *oc, ôc.*

**II. Đồ dùng dạy học**

- Tivi, bộ ĐD TV, mẫu vần

- Vở bài tập Tiếng việt 1.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động:**  **HĐ1: Nghe - nói**  - Chiếu tranh yêu cầu học sinh quan sát tranh. Nghe GV nêu yêu cầu: Thực hiện hỏi đáp theo cặp về nội dung bức tranh.  + Bạn thấy có những con vật nào trong tranh?  + Chúng đang làm gì?  + Con ốc nói gì?  - Yêu cầu học sinh thực hành hỏi đáp trước lớp  - GV nhận xét  - GV giới thiệu bài: Như vậy ở hoạt động 1 hỏi – đáp cô thấy các em có nhắc đến *con sóc, con ốc* chứa vần mà hôm nay chúng ta sẽ học.  **2. HĐ khám phá**  **HĐ 2: Đọc**  **a. Đọc, tiếng, từ ngữ**.  + Học vần */oc/*  *-* GV mời HS quan sát cô viết tiếng khóa thứ nhất: sóc  con sóc  /   |  |  | | --- | --- | | s | oc |   sóc  - Đọc tiếng *sóc*  H: Trong tiếng “sóc”, phần nào chúng ta đã học?  - GV giới thiệu vần oc  - Nêu cấu tạo tiếng *sóc*  - Vần */oc/*có những âm nào?  - Đánh vần mẫu: oc: o– cờ - oc  - Đánh vần tiếng *sóc: sờ - oc – sóc – sắc sóc sóc*  - Giới thiệu, viết bảng từ: *con sóc*  + Học vần /*ôc/* tiếng khóa ốctương tự như vần *oc*  - Chúng ta vừa học vần oc, cô thay âm o bằng âm ô, giữ nguyên âm c ta được vần nào?  H: Muốn tạo được tiếng “ốc: ta làm như thế nào?  - Đánh vần tiếng *ốc: ôc – sắc – ôc ốc*  - GV cho HS quan sát và giới thiệu về con ốc: từ “con ôc”  - Chúng ta vừa học thêm những vần nào?  - GV ghi đề bài: Bài 14E: oc - ôc  - Yêu cầu học sinh so sánh điểm giống và khác nhau giữa vần *oc, ôc*  - Đọc lại cả hai vần trên bảng.  - GV nhận xét  **\* Nghỉ giữa tiết:**  **b. Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới**  - GV chiếu nội dung HĐ 2b: *con cóc,* *gốc cây, dốc núi, hạt thóc*  - Tổ chức trò chơi tìm tiếng, từ chứa vần oc, ôc.  - Yêu cầu HS đọc  - GV nhận xét  - GV cho HS ôn lại toàn bài  **3. HĐ luyện tập**  **c. Đọc hiểu**  - Chiếu tranh yêu cầu học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?  + Cô bé đang làm gì?  + Mấy người đàn ông đang làm gì?  - Yêu cầu HS đọc  - Tổ chức thi chọn câu phù hợp  - GV cho HS đọc lại phần 2 b, c  - Nhận xét, tuyên dương học sinh  **HĐ 3. Viết**  - GV gắn mẫu viết thường *oc, ôc, sóc, ốc*hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm về độ cao, độ rộng, các nét cơ bản và cách viết cho HS.  - GV viết chữ mẫu kết hợp hướng dẫn cách viết*oc, ôc, sóc, cóc;* cách nối từ ***o*** sang ***c*** trong vần **oc**; **ô** sang ***c*** trong vần ***ôc;*** ***s*** sang ***ó*** sang ***c*** trong tiếng *sóc,*cách đặt dấu thanh ở chữ *sóc****; ố*** sang ***c*** trong tiếng *ốc,*cách đặt dấu thanh ở chữ *ốc*Nhắc học sinh độ cao các chữ o, ô, s.  - Yêu cầu học sinh viết bảng con.  - GV nhận xét, sửa lỗi trên bảng con của HS.  - Chữa bài viết theo nhận xét của giáo viên.  **\* Nghỉ giữa tiết:**  **4. HĐ vận dụng**  **HĐ 4. Đọc**  **a. Quan sát tranh**  - GV chiếu tranh phóng to; Yêu cầu HS quan sát tranh  + Các em thấy gì trong tranh?  - GV chốt: Trong tranh có con nghé con đang chạy theo trâu mẹ trên bãi cỏ đọng sương. Các chi tiết trong tranh sẽ giúp các em hiểu rõ hơn nội dung bài thơ.  - GV đọc bài thơ: Hạt sương  H: Bài thơ có bao nhiêu khổ?  - GV nhận xét  **b. Luyện đọc trơn**  - GV đọc mẫu: Hạt sương  - GV lưu ý giọng đọc; ngắt hơi ở mỗi dòng thơ và chỗ nghỉ ở cuối đoạn  - GV cho HS đọc  - GV nhận xét, khen ngợi.  **c. Đọc hiểu**  - Y/c HS đọc thầm bài. Thực hành theo cặp đôi, hỏi và trả lời:  + Ai làm hạt sương rụng?  - Gv nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS đọc lại  - Hôm nay các em học bài gì?  - GV nhận xét giờ học.  - Dặn HS chuẩn bị bài: tập viết tuần 14. | - Quan sát tranh. Hỏi đáp theo cặp:  + Sóc, ốc, thỏ.  + Nói chuyện  + Anh sóc hay anh thỏ đi nhanh hơn  - Vài cặp thực hành hỏi đáp về nội dung tranh  - Lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - Đọc nối tiếp cá nhân, nhóm, đồng thanh.  - Âm đầu s chúng ta đã học  - HS đọc nối tiếp cá nhân, nhóm, đồng thanh.  - Gồm 3 phần: âm đầu *s*, vần *oc*, thanh sắc  - Âm *o* và âm *c*  - Nối tiếp đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, ĐT)  - Nối tiếp đánh vần  - Đọc trơn: *sóc*  - Nối tiếp đọc trơn: *con sóc*  - Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần và đọc trơn vần, tiếng, từ: *oc – sóc- con sóc* đọc trơn).  - HS trả lời  - Ta thêm thanh sắc trên âm ô  - Nối tiếp đánh vần  - Nối tiếp đọc trơn: *con sóc*  - Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần và đọc trơn vần, tiếng, từ  - HS trả lời  - HS nhắc lại  - Giống nhau âm /c/.  - Khác nhau: vần /oc/ có âm o, vần /ôc/ có âm ô  - Lắng nghe và nối tiếp đọc.  - HS nhảy  - HS đọc thực hiện HĐ CĐ  - Đọc và tìm tiếng chứa vần mới  - Nối tiếp đọc.  - HS tham gia tìm  - Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới  - HS lắng nghe  - HS đọc CN  - HS quan sát  - Tranh 1: Bạn Ngọc đang học bài  - Tranh 2: Đang bốc vác  - Thi chọn câu phù hợp với hình và đọc trơn các câu đã đính.  - Đọc lại bài trên bảng.  - HS đọc  **-** HS quan sát, nghe, nhắc lại theo YC của GV.  - HS quan sát.  - HS viết bảng con.  - HS quan sát, tự sửa lỗi trên bảng con.  **-** HS viết vào bảng con  - HS nhận xét  - HS hát  - HS quan sát tranh theo cặp.  - HS trả lời theo khả năng quan sát...  - 2 khổ thơ  - Lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc trơn theo GV  - Cá nhân đọc nối tiếp.  - Đọc theo cặp, nhóm  - Đọc nối tiếp khổ thơ trước lớp.  - HS đọc thầm. Nhóm đôi hỏi – đáp.  - Một vài học sinh trả lời trước lớp:  ý c: nghé con  - HS đọc CN  - HS nhắc lại.  - HS nghe. |

**TIẾNG VIỆT**

**TẬP VIẾT TUẦN 14 ( 2T)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-HS biết viết tổ hợp chữ ghi vần: iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc.

- Biết viết từ ngữ: sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, con ốc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tivi, bảng mẫu các chữ cái Tiếng Việt kiểu chữ viết thường.

- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc; sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, con ốc.

- Tranh ảnh: sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, con ốc.

- Tập viết 1 tập 1, bút chì cho HS

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động:**  **HĐ1: Chơi trò Bỏ thẻ**  - HD cách chơi: HS ngồi thành vòng tròn. Một bạn cầm thẻ chữ ghi vần, thẻ từ ngữ đi sau vòng tròn và bỏ thẻ sau lưng các bạn cho đến hết thẻ. Mỗi bạn đưa tay ra sau, nếu nhặt được thẻ thì đứng lên đọc chữ cái hoặc từ trên thẻ, sau đó dán thẻ lên bảng lớp.  - YC HS chơi trò chơi  - Sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài và dán thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.  - GV giới thiệu – ghi đề bài  **2. HĐ khám phá**  **HĐ2: Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.**  - Đọc các chữ trong thẻ chữ  - Chỉ bài yêu cầu HS đọc  - Nhận xét.  **3. HĐ luyện tập**  **HĐ3**: Viết chữ ghi vần  - Làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc.*  (mỗi vần viết 1-2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ)  -Nhận xét, sửa sai  \* Thư giãn giữa giờ  **4. HĐ Vận dụng**:  **HĐ4**: Viết từ, từ ngữ  - Đọc từng từ, từ ngữ và làm mẫu, GV hướng dẫn viết từng từ, từ ngữ*: sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, con ốc.*  - GV chọn nhận xét 1 số bài viết.  - GV cho HS đọc lại  - GV nhận xét giờ học.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài và thực hiện tốt HĐ TH ở nhà; chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe  - Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV  - Theo dõi.  - HS nhắc lại  - Lắng nghe  - Đọc bài: ĐT, nhóm, CN  - Thực hiện viết từng vần vào bảng con  - HS hát  - Thực hiện viết từng từ ngữ vào bảng con  - HS lắng nghe  - HS đọc  - Lắng nghe.  - HS thực hiện |

------------------------------